

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT IRABOND 9924 B

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất (Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại)

Tên sản phẩm IRABOND 9924 B

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Sơn lót.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

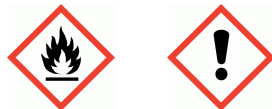
Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy cơ về sức khỏe Độc cấp tính loại 5 - H303 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319

Nguy cơ về môi trường Không phân loại.

Các yếu tố nhân theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ
H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H315 Gây kích ứng da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

IRABOND 9924 B

Biện pháp phòng ngừa

P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc.

P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.

P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

P332+P313 Nếu thấy da bị kích ứng: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.

P403+P235 Lưu trữ ở nơi thông thoáng. Giữ mát.

Bao gồm

1-(3-methoxypropoxy) propyl acetate, METHANOL

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Hỗn hợp chất

1-(3-methoxypropoxy) propyl acetate	10-30%
Số CAS: 88917-22-0	
Phân loại	
Độc cấp tính loại 4 - H302	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
BUTAN-2-OL	5-10%
Số CAS: 78-92-2	
Phân loại	
Chất lỏng dễ cháy loại 3 - H226	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335, H336	
PHOSPHORIC ACID ...%	1-5%
Số CAS: 7664-38-2	
Phân loại	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
METHANOL	<1%
Số CAS: 67-56-1	
Phân loại	
Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225	
Độc cấp tính loại 3 - H301	
Độc cấp tính loại 3 - H311	
Độc cấp tính loại 3 - H331	
Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 1 - H370	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

IRABOND 9924 B

Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

Thông tin chung	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục. Giữ người bị ảnh hưởng khỏi nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần.
Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi khó thở, có thể cần đến oxy. Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo. Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Nuốt phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Rửa miệng. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Rửa ngay với nhiều nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc. Tìm hỗ trợ y tế.
Đường thở	Hơi có thể gây đau đầu, mệt mỏi, chóng mặt và buồn nôn. Kích ứng mũi, họng hoặc đường thở.
Nuốt phải	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải. Có thể gây đau dạ dày hoặc nôn mửa. Buồn ngủ, chóng mặt, mất phương hướng, choáng váng.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc kéo dài có thể gây mẩn đỏ, kích ứng và khô da.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng mắt và màng nhày.

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Các triệu chứng có thể phát triển chậm trễ trong khoảng từ 24 đến 48 tiếng.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Cacbon dioxit (CO₂). Hóa chất, cát, dolomit khô, vv. Bọt.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể Hơi nặng hơn không khí và có thể lan rộng trên mặt đất và di chuyển một đoạn xa đến một nguồn phát lửa và nổ lan đến điểm xuất phát.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Những hành động bảo vệ khi chữa cháy Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt bằng bình xịt nước và đưa chúng ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

Các cảnh báo về môi trường

IRABOND 9924 B

Phòng ngừa về môi trường Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Đưa các chất liệu dễ cháy ra khỏi nơi tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Đeo thiết bị bảo hộ phù hợp, bao gồm găng tay, kính/mặt nạ, mặt nạ phòng độc, boots, quần áo hoặc tạp dề, khi thích hợp.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Về bảo hộ cá nhân, xem Phần 8. Đối với xử lý chất thải, xem Phần 13.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Ngăn chặn điện tĩnh và sự hình thành các tia lửa điện. Không để gần nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc. Sử dụng thiết bị điện chống nổ, thông gió và chiếu sáng. Tránh làm đổ ra ngoài. Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Đeo thiết bị bảo hộ phù hợp, bao gồm găng tay, kính/mặt nạ, mặt nạ phòng độc, boots, quần áo hoặc tạp dề, khi thích hợp.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Nhóm lưu trữ Nhóm lưu trữ phù hợp với các sản phẩm lỏng dễ cháy.

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Sử dụng hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực không cháy nổ.

Bảo hộ mắt/mặt

Đeo kính bó sát, chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Việc đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm được khuyến nghị. Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Neopren. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thẩm thấu của chất liệu làm găng. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Biện pháp vệ sinh cá nhân

Không hút thuốc trong khu làm việc. Rửa vào cuối mỗi ca làm việc và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet. Trong khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị nhiễm hóa chất.

IRABOND 9924 B

Bảo vệ đường hô hấp Không có khuyến nghị cụ thể. Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị bảo hộ hô hấp phải phù hợp với mục đích sử dụng của nó. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Không màu.
Mùi đặc trưng	Mùi dung môi.
Điểm cháy	20°C SCC (Cốc kín Setaflash).
Giới hạn cháy/nổ trên/dưới	Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.3%(V) Giới hạn cháy/nổ trên: 19%(V)
Tỷ trọng tương đối	0.93-0.97
Độ hòa tan trong nước	Không tan trong nước.
Độ nhớt	10 mPa s @ 25°C

Thông tin khác

Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 950 g/l.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Không có phản ứng nguy hại nào được biết đến của sản phẩm này.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hại tiềm tàng nào được biết đến.
Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.
Các vật liệu cần tránh	Axit mạnh. Kiềm mạnh. Chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Cacbon dioxit (CO ₂). Cacbon monoxit (CO). Sương axit phốt pho.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc cấp tính - qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 3.921,57

Độc cấp tính - qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 85.714,29

Độc cấp tính - qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 200.000,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 857,14

IRABOND 9924 B

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 142,86

Thông tin chung	Tiếp xúc kéo dài và lặp lại với dung môi trong một thời gian dài có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe lâu dài.
Đường thở	Gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiêu hóa	Chất lỏng gây kích ứng màng nhầy và có thể gây đau bụng nếu nuốt phải.
Tiếp xúc với da	Kích ứng da thường không xảy ra nếu được sử dụng theo khuyến cáo.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất. Các thành phần của sản phẩm này được phân loại không gây nguy hại môi trường.

Độc tính Không có dữ liệu có sẵn.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Phân hủy sinh học Không áp dụng.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được cho là tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Sản phẩm này không tan trong nước.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Không có.

PHẦN 13: Thông tin về chất thải**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc. Chất sót lại và thùng chứa rỗng phải được xử lý như chất thải nguy hại theo quy định của địa phương và quốc gia. Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Mã chất thải phải được chỉ định bởi người sử dụng, tốt nhất là nên thảo luận với các cơ quan xử lý chất thải.

Nhóm chất thải 08 04 09

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển**Số UN**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2924

Số UN (IMDG) 2924

Số UN (ICAO) 2924

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

IRABOND 9924 B

Tên phương tiện vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) FLAMMABLE LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (BUTANOL-norm, PHOSPHORIC ACID...%)

Tên phương tiện vận chuyển (IMDG) FLAMMABLE LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (BUTANOL-norm, PHOSPHORIC ACID...%)

Tên phương tiện vận chuyển (ICAO) FLAMMABLE LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (BUTANOL-norm, PHOSPHORIC ACID...%)

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	3
Rủi ro phụ Đường bộ/Đường sắt	8
Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt	FC
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	3
Nhóm IMDG	3
Rủi ro phụ IMDG	8
Nhóm/ mục ICAO	3
Rủi ro phụ ICAO	8

Nhãn vận chuyển**Quy cách đóng gói (nếu có)**

Quy cách đóng gói Đường bộ/Đường sắt	II
Quy cách đóng gói IMDG	II
Quy cách đóng gói ICAO	II

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

EmS F-E, S-C

Số nhận dạng nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 338

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật**PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Ngày sửa đổi	10/02/2021
Sửa đổi	5
Ngày thay thế	06/05/2020

IRABOND 9924 B

Số Phiếu an toàn hóa chất 20752

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H301 Ngộ độc nếu nuốt phải.
H302 Có hại nếu nuốt phải.
H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H311 Ngộ độc khi tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H331 Ngộ độc nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H370 Gây tổn thương cho các cơ quan .

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.